

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2024/HS-ST**

Ngày: 05/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nừa.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Khuru Thị Minh A** (tên thường gọi là L); Sinh ngày: 17/12/1998; Tại: Tỉnh Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Khu Phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: A07.10 Chung cư VR- Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khuru Ngọc T4 và bà: Phan Thị N; Có chồng: Là ông Phan Văn M (không đăng ký kết hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/6/2023.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Phạm Tuấn A1**; Sinh ngày: 16/6/2002; Tại: Tỉnh Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: Tổ P, ấp A, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hồng P và bà: Nguyễn Thị K; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/6/2023.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Thái B; Sinh năm: 1995; Thường trú: 109D/104 đường BVĐ (số mới: 237/52 đường HD), Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 168 đường số A, khu phố B, phường TP, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Kim Thị T; Sinh năm: 1998; Thường trú: Khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: A07.10 Chung cư VR - Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và số 445-449 đường GP, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Quách Hồng T1; Sinh năm: 2003; Thường trú: Ấp Bửu A, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; Tạm trú: A07.10 Chung cư VR - Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và 445-449 đường GP, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Bà Lê Thị Khả T2; Sinh năm: 1981; Trú tại: Khóm A, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 31/5/2023, tổ công tác thuộc Công an Phường 3, Quận 6 kiểm tra hành chính căn hộ A07.10 Chung cư VR - Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F thì phát hiện một số đối tượng có mặt trong căn hộ gồm: Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1. Qua kiểm tra, đã thu giữ trong túi xách màu xám của Khuru Thị Minh A 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (Minh A khai là ma túy khay của Minh A cất giữ để dành sử dụng); thu giữ trong bóp da màu đen của Phạm Tuấn A1 01 gói nylon chứa bột màu trắng (Tuấn A1 khai là ma túy khay của Tuấn A1 cất giữ để dành sử dụng). Sau đó, tổ công tác đã giao các đối tượng này cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Khuru Thị Minh A khai: Tháng 11/2022, Minh A ký hợp đồng thuê căn hộ A07.10 Chung cư VR - Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F của bà Lê Thị Khả T2 để ở cùng Kim Thị T và Quách Hồng T1. Ngày 21/5/2023, Minh A cùng T, T1 đi dự tiệc sinh nhật của một người bạn tên Bi (không rõ lai lịch) tại quán Karaoke M, quận TP. Trong lúc dự tiệc, cả ba thấy trên bàn có để ma túy khay nên lấy sử dụng. Khi chuẩn bị ra về, Minh A thấy trên bàn còn 01 gói ma túy nên lấy cất vào trong túi xách đem về để dành sử dụng, nhưng sau đó không nhớ. Ngày 31/5/2023, Phạm Tuấn A1, Phạm Thái B tới chơi và ngủ lại. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Công an đến kiểm tra, bắt giữ như nêu trên. Và Minh A xác nhận Phạm Tuấn A1, Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1 không biết việc Minh A cất giữ ma túy trong túi xách.

Phạm Tuấn A1 khai: Khoảng 14 giờ ngày 17/5/2023, trong lúc ngồi nhậu với một người bạn tên Trung (không rõ lai lịch) tại quán N, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng, Trung kêu Tuấn A1 lấy 01 gói ma túy khay của nhân viên quán No.1 (không rõ lai lịch) để cả hai sử dụng, nhưng sau khi trả tiền gói ma túy, Trung nói có việc nên đi trước. Thấy vậy, Tuấn A1 lấy gói ma túy cất vào trong bóp da. Đến ngày 31/5/2023, Tuấn A1 đến căn hộ A07.10 Chung cư VR thăm bạn gái là Quách Hồng T1 thì bị kiểm tra, bắt giữ như nêu trên. Ngoài ra, Tuấn A1 xác nhận Khuru Thị Minh A, Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1 không biết việc Tuấn A1 có đem theo ma túy và cất giữ ma túy trong bóp.

Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1 khai tương tự, đồng thời khẳng định không biết việc Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 cất giữ ma túy như thế nào.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Trạm y tế Phường 3, Quận 6, Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, Phạm Thái B dương tính với ma túy (chất dạng Amphetamine, Ketamine); Còn Kim Thị T, Quách Hồng T1 âm tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 5920/KL-KTHS ngày 09 tháng 6 năm 2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (ký hiệu m₁) được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Khuru Thị Minh A, Nguyễn Huỳnh Anh T3 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 3, Quận 6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6469g (một phẩy sáu bốn sáu chín gam), loại Ketamine.

- Gói 2: Bột màu trắng trong 01 gói nylon (ký hiệu m₂) được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Tuấn A1, Nguyễn Huỳnh Anh T3 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 3, Quận 6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,9438g (ba phẩy chín bốn ba tám gam), loại Ketamine.

Ngày 03 tháng 6 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 81/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 80/QĐ-ĐCSMT và số: 81/QĐ-ĐCSMT).

Đối với Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Thái B thì ngày 12/6/2023, Công an Phường 3, Quận 6 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với Bảo về hành vi này (Quyết định số: 0013751/QĐ-XPHC).

Đối với bà Lê Thị Khả T2 (chủ sở hữu căn hộ A07.10 Chung cư VR, số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F), không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, nên không xem xét.

Đối với người tên Trung và người nhân viên bán ma túy cho Phạm Tuấn A1 ở quán N, hiện chưa xác định được lai lịch. Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 90/CT-VKS-Q6 ngày 13 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đều xác nhận, chính các bị cáo đã thực hiện hành vi cất giữ ma túy tổng hợp (loại Ketamine hay còn gọi là ma túy khay) để dành sử dụng và bị Công an phát hiện bắt quả tang vào tối ngày 31/5/2023 tại căn hộ A07.10 Chung cư VR - Số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Khuru Thị Minh A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Phạm Tuấn A1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 02 gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 5920(1248/23), có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út Lớn và cán bộ điều tra Phạm Tiến Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 1,4610 gam và Gói 2 chứa bột màu trắng (m_2) có khối lượng 3,2235 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 giỏ xách màu xám; 01 bóp da màu đen.

Trả lại bị cáo Khuru Thị Minh A 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei: 355351089326589 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0338933256) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, số Imei: 350472593777581 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0866107419), đều đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều tra viên), Khuru Thị Minh A và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại bị cáo Phạm Tuấn A1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số Imei: 356703853534070 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0869110829), đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều

tra viên), Phạm Tuấn A1 và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định số: 5920/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đã phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đã cất giữ chất ma túy ở thể rắn và thời điểm bắt quả tang (vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 31/5/2023 tại căn hộ A07.10 Chung cư VR, số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F) đã thu giữ trong túi xách màu xám của bị cáo Khuru Thị Minh A 01 gói nylon, bên trong có 1,6469 gam ma túy, loại Ketamine; thu giữ trong bóp da màu đen của bị cáo Phạm Tuấn A1 01 gói nylon, bên trong có 3,9438 gam ma túy, loại Ketamine (các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đều xác nhận số ma túy bị thu giữ là của các bị cáo cất giữ để dành sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy khác). Hành vi của các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ độc

quyền trong việc quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam» theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi cất giữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 là nghiêm trọng. Mặt khác, ma túy nói chung và các chất ma túy khác ở thể rắn như Ketamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

[6.1] 02 gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 5920(1248/23), có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út L và cán bộ điều tra Phạm Tiến

Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 1,4610 gam và Gói 2 chứa bột màu trắng (m_2) có khối lượng 3,2235 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 giỏ xách màu xám; 01 bóp da màu đen, là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6.2] Đối với 02 chiếc điện thoại di động cùng hiệu Iphone (01 chiếc màu đen, số Imei: 355351089326589, bên trong có 01 sim điện thoại số 0338933256; 01 chiếc màu xanh, số Imei: 350472593777581, bên trong có 01 sim điện thoại số 0866107419), đều đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều tra viên), Khuru Thị Minh A và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ của bị cáo Khuru Thị Minh A; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số Imei: 356703853534070, bên trong có 01 sim điện thoại số 0869110829, đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều tra viên), Phạm Tuấn A1 và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn A1. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do các bị cáo phạm tội mà có hay các bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 82/PNK ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 81/QĐ-VKS ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[6.3] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số Imei: 358686326450776 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0888092446) thu giữ của Quách Hồng T1; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 354506129165013 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0826528843) thu giữ của Kim Thị T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số Imei: 359056815574537 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0877770911) thu giữ của Phạm Thái B, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong (theo các Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 22/6/2023 và ngày 07/7/2023 - BL199, 200, 201), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với Phạm Thái B, Kim Thị T, Quách Hồng T1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng ma túy của Phạm Thái B thì ngày 12/6/2023, Công an Phường 3, Quận 6 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1.500.000 đồng đối với Bảo về hành vi này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7.1] Đối với bà Lê Thị Khả T2 (chủ sở hữu căn hộ A07.10 Chung cư VR, số 1472 đường VVK, Phường C, Quận F). Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

[7.2] Đối với người tên Trung và người nhân viên mà bị cáo Phạm Tuấn A1 khai bán ma túy cho bị cáo ở quán N, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Khuru Thị Minh A (Linh) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023.

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn A1** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 5920(1248/23), có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út Lớn và cán bộ điều tra Phạm Tiến Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m₁) có khối lượng 1,4610 (một phẩy bốn sáu một không) gam và Gói 2 chứa bột màu trắng (m₂) có khối lượng 3,2235 (ba phẩy hai hai ba năm) gam; 01 (một) giỏ xách màu xám; 01 (một) bóp da màu đen.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Khuru Thị Minh A 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei: 355351089326589, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 0338933256 và 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, số Imei: 350472593777581, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 0866107419 đều được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều

tra viên), Khuru Thị Minh A và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại bị cáo Phạm Tuấn A1 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số Imei: 356703853534070, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 0869110829, đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thành Phương (Điều tra viên), Phạm Tuấn A1 và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Khuru Thị Minh A, Phạm Tuấn A1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên